

22. Quyết chứng cực quả (決證極果)

Phẩm này tổng kết sự thanh tịnh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc: Cảnh và trí ngầm khế hợp nhau, nhân quả đồng nhất. Những người vãng sanh do trong tâm không có ý tưởng phân biệt là lấy hay bỏ nên bên ngoài đều xa lìa các cảnh phân biệt. Do chẳng phân biệt nên thanh tịnh bình đẳng, chỉ thọ hưởng sự vui sướng tối thượng, trụ trong Chánh Định Tự, quyết chứng cực quả: Di Đà bốn nguyện cứu cánh viên mãn.

Chánh kinh:

復次阿難，彼佛國土，無有昏闇、火光、日月、星曜、晝夜之象，亦無歲月劫數之名，復無住著家室。於一切處，既無標式名號，亦無取舍分別，唯受清淨最上快樂。

Phục thứ A Nan! Bỉ Phật quốc độ, vô hữu hôn ám, hỏa quang, nhật, nguyệt, tinh diêu, trú dạ chi tượng, diệc vô tuế, nguyệt, kiếp số chi danh, phục vô trụ trước gia thất. Ư nhất thiết xứ, ký vô tiêu thức, danh hiệu, diệc vô thủ xả phân biệt, duy thọ thanh tịnh tối thượng khoái lạc.

Lại này A Nan! Cõi nước Phật ấy chẳng có tối tăm, ánh lửa, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, cảnh tượng ngày đêm; cũng không có danh từ năm, tháng, kiếp số, cũng lại chẳng trụ trước nhà cửa. Hết thấy mọi nơi đã chẳng có tiêu thức, danh hiệu, lại cũng chẳng có phân biệt lấy bỏ, chỉ hưởng khoái lạc thanh tịnh tối thượng.

Giải:

Trong đoạn này, trước hết nói rõ cảnh tượng vô phân biệt; kể đến thuật rõ tâm niệm không phân biệt.

Câu “vô hữu hôn ám, hỏa quang, nhật, nguyệt, tinh diêu, trú dạ chi tượng” (không có tối tăm, ánh lửa, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, cảnh tượng ngày đêm) tổng hợp từ năm bản dịch. Hai bản dịch đời Hán và Ngô nói đến mặt trời, mặt trăng, hư không; bản Ngụy dịch chẳng nói rõ là có hay không; bản Đường dịch và Tống dịch cùng nói chẳng có mặt trời, mặt trăng.

Sách A Di Đà Sớ Sao bảo: “*Nếu nói một cách dung hòa thì tuy có mặt trời, mặt trăng, nhưng bị quang minh của Phật và thánh chúng che lấp nên cũng như chẳng có. Xét về mặt Lý, phải không có mặt trời, mặt trăng mới hợp lẽ. Vì sao vậy? Từ cõi trời Đao Lợi trở lên đã không cần đến mặt trời, mặt trăng, huống là cõi Cực Lạc?*” Theo Liên Trì đại sư, xét về mặt Lý thì phải không có mặt trời, mặt trăng mới đúng. Hội bản đây lấy ý hai bản Đường dịch và Tống dịch, nói thẳng là chẳng có mặt trời, mặt trăng, thật phù hợp với ý của Liên Trì đại sư: Từ trời Đao Lợi trở lên, chư thiên còn chẳng cần đến mặt trời, mặt trăng huống hồ là thế giới Cực Lạc ư?

Bản Hán dịch lại ghi: “*Vô Lượng Thanh Tịnh Phật đánh trung quang minh cực đại minh. Kỳ nhật, nguyệt, tinh thân, giai tại hư không trung trụ chỉ, diệc bất phục hồi chuyển vận hành, diệc vô hữu tinh quang. Kỳ minh giai tế bất phục hiện*” (Quang minh từ trên đánh của Vô Lượng Thanh Tịnh Phật (tức là A Di Đà Phật) sáng chói cùng cực; mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao đều bị ngưng giữa không trung chẳng xoay chuyển vận hành được nữa, cũng chẳng còn có tinh quang. Các quang minh ấy đều bị khuất lấp, chẳng còn hiện). Câu này rất phù hợp với cách nói dung hòa của đại sư Liên Trì, quang minh của mặt trời, mặt trăng cõi ấy bị quang minh của các vị thánh che lấp chẳng hiện được như kinh này đã nói: “*Nhật, nguyệt, hỏa, châu giai nặc diệu*” (Mặt trời, mặt trăng, lửa, châu đều bị ẩn giấu ánh sáng).

Phẩm Lễ Phật Hiện Quang trong kinh đây cũng nói: “*Thanh Văn, Bồ Tát nhất thiết quang minh, tất giai ẩn tế, duy kiến Phật quang, minh diệu hiển hách*” (Hết thấy quang minh của Thanh Văn, Bồ Tát đều bị ẩn lấp, chỉ thấy quang minh của Phật sáng ngời rực rỡ). Quang minh của Bồ Tát còn bị phủ lấp, huống là quang minh của mặt trời, mặt trăng, tinh tú v.v... Vì vậy, cõi ấy “*vô hữu hôn ám, hỏa quang, nhật, nguyệt, tinh diệu, trú dạ chi tượng*” (chẳng có tối tăm, ánh lửa, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, cảnh tượng ngày đêm), chỉ luôn sáng chói, chẳng có ngày đêm.

“*Diệc vô tuế nguyệt kiếp số chi danh*” (Cũng chẳng có danh từ năm, tháng, kiếp số): Trong cõi thế gian này thì phải có năm, tháng, ngày, đêm, kiếp số vì địa cầu, mặt trăng, mặt trời, tinh vân... đều vận hành, tự chuyển hoặc là bị chuyển động (do Thái Dương hệ chứa các tinh tú ấy cũng xoay vùn) nên bèn có ngày, đêm, một tháng, một năm, một kiếp v.v... Do đó, năm tháng dần trôi. Còn theo bản Hán dịch: “*Nhật, nguyệt, tinh thân, giai tại hư không trung trụ chỉ, diệc bất phục*

hồi chuyển vận hành” (Mặt trời, mặt trăng, tinh tú đều ngừng giữa hư không, chẳng còn xoay chuyển vận hành được) thì cõi ấy đâu có mặt trời, mặt trăng, tinh tú đi nữa nhưng chúng không vận chuyển thì làm sao có ngày đêm sai khác cho được! Thời gian không biến đổi nên “*vô tuế nguyệt kiếp số chi danh*” (chẳng có danh từ ngày đêm, năm, tháng, kiếp số). Chỉ do thuận theo các phương khác nên mới bảo là có năm tháng (Ta nên biết rằng: Thời gian sanh từ chuyển động. Xét về cội gốc, chuyển động phát sanh từ ý niệm. Do vọng niệm tiếp nối nên có thời gian. Khoa học cận đại đã thừa nhận thuyết của Ái Nhân Tư Thân (Einstein): Thời gian chỉ là do ảo giác của con người. Thuyết này khá phù hợp với điều ta đang bàn ở đây).

Với ý “*phục vô trụ trước gia thất*” (lại cũng chẳng trụ trước nhà cửa), các bản dịch cũng chẳng hề nói xác quyết là có nhà cửa hay không. Câu kinh: “*Sở cư xá trạch tận cực nghiêm lệ, hoặc tại hư không, hoặc tại bình địa*” (Nhà cửa họ ở đều hết sức trang nghiêm, đẹp đẽ hoặc ở trên hư không, hoặc trên mặt đất) trong phẩm Thọ Dụng Cụ Túc ở phần trước đã nói rõ chẳng phải là nhất định không có nhà cửa; chữ “*vô*” dùng trong đoạn này chỉ có nghĩa là chẳng chấp trước vào tướng nhà cửa.

Hội chúng cõi Cực Lạc nghe toàn âm thanh Vô Ngã nên tâm họ thanh tịnh một cách tương ứng với điều được nghe, không có các phân biệt. Đã không có Ngã thì làm sao có ý tưởng “*nhà cửa của mình*”? Vì vậy đối với nhà cửa mình ở chẳng hề chấp trước. Do đó, kinh nói: “*Phục vô trụ trước gia thất*” (Lại không trụ chấp nhà cửa). Hơn nữa, do Nhân và Ngã đều không, nên mọi thứ cần gì đến “*tiêu thức, danh hiệu*” (tiêu thức là những biểu tượng nhằm để phân biệt một cá nhân; chẳng hạn như các huy hiệu gia tộc).

Diệu cảnh như vậy chính là do trí và tâm xa lìa “*thủ xả phân biệt*” (phân biệt lấy bỏ) tạo thành. Tâm tịnh ắt quốc độ tịnh, tâm lìa phân biệt nên cảnh cũng chẳng phân biệt. Tâm ấy, cảnh ấy vốn chẳng phân biệt. Trí và cảnh như một, dứt tuyệt các trần cấu nên bảo: “*Duy thọ thanh tịnh tối thượng khoái lạc*” (Chỉ hưởng khoái lạc thanh tịnh tối thượng) như kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói: “*Duy hữu vô lượng thanh tịnh hỷ lạc*” (Chỉ có vô lượng hỷ lạc thanh tịnh).

Chánh kinh:

若有善男子、善女人，若已生，若當生，皆悉住於正定之聚，決定證於阿耨多羅三藐三菩提。何以故？若邪定聚，及不定聚，不能了知建立彼因故。

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược dĩ sanh, nhược đương sanh, giai tất trụ w Chánh Định chi tụ, quyết định chứng w A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, hà dĩ cố? Nhược Tà Định Tụ, cập Bất Định Tụ, bất năng liễu tri kiến lập bỉ nhân cố!

Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân hoặc đã sanh, hoặc sẽ sanh thì đều trụ trong Chánh Định Tụ, quyết định chứng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vì có sao? Nếu là kẻ Tà Định Tụ và Bất Định Tụ thì chẳng thể biết rõ, kiến lập nổi cái nhân ấy.

Giải:

Đoạn này nói về quả thành tựu của nguyện hai mươi chín “trụ Chánh Định Tụ” và nguyện mười hai “quyết định thành Chánh Giác” của đức Di Đà. Điều này chính là cốt lõi của toàn bộ bản hoài của Phật Di Đà, là thánh quả của vô lượng diệu hạnh, là trí lực phương tiện đạt đến mức cùng cực, là chỗ rốt ráo của đại nguyện độ sanh.

Kinh văn nhắc đến ba thứ: Chánh Định, Tà Định và Bất Định Tụ. “Tụ” (聚) có nghĩa là giống nhau, cùng loại. Ba Tụ này được các kinh luận của cả Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa đề cập đến, nhưng nội dung sai khác rất nhiều:

* Tiểu Thừa như Câu Xá Luận nói: Các thánh giả từ Sơ Quả trở lên thuộc về Chánh Định Tụ, kẻ tạo nghiệp Ngũ Vô Gian thuộc về Tà Định Tụ, còn lại những kẻ khác chẳng thuộc về hai Tụ trên thì thuộc về Bất Định Tụ.

* Đại Thừa lại hiểu Tam Tụ theo nhiều cách:

1. Trí Độ Luận quyền bốn mươi lăm nói: “Một là Chánh Định Tụ: quyết định nhập Niết Bàn. Hai là Tà Định Tụ quyết đọa ác đạo. Ba là Bất Định”.

2. Thích Đại Diễn Luận, quyền một bảo: “Có ba thuyết:

- Một là trước khi đạt địa vị Thập Tín thì thuộc Tà Định Tụ do chẳng tin vào quả báo của nghiệp. Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh,

Thập Hồi Hương) Thập Thánh (Thập Địa Bồ Tát) gọi là Chánh Định Tu do thuộc địa vị Bất Thoái. Thập Tín gọi là Bất Định Tu do hoặc tiến hoặc thoái chẳng quyết định” (Đại Thừa Khởi Tín Luận có cùng quan điểm này).

- Trước khi đạt Thập Tín và ngay cả địa vị Thập Tín thuộc về Tà Định Tu. Đại Quả Giác là Chánh Định Tu. Tam Hiền, Thập Thánh thuộc về Bất Định Tu.

- Trước khi đạt đến Thập Tín là Tà Định Tu, Thập Thánh là Chánh Định, Thập Tín và Tam Hiền thuộc về Bất Định Tu”.

Các thuyết bất đồng, Tiểu Thừa coi từ Sơ Quả trở lên đã thuộc về Chánh Định, còn Đại Thừa thì hoặc lấy việc quyết định nhập Niết Bàn, hoặc lấy địa vị từ Tam Hiền trở lên, hoặc địa vị từ Thập Địa trở lên, hoặc dùng địa vị Đại Giác Phật Quả làm tiêu chuẩn phán định Chánh Định Tu.

Còn về việc kinh này nói chúng sanh cõi Cực Lạc đều trụ trong Chánh Định Tu, ngài Tịnh Ảnh bảo: *“Thuộc địa vị Bất Thoái nên gọi là Chánh Định. Chẳng cần biết là Tiểu Thừa hay Đại Thừa, chúng sanh hễ cứ sanh về cõi kia sẽ đều trụ trong Chánh Định”*. Ngài Vọng Tây chia sẻ quan điểm này: *“Hết thấy phạm phu thiện, ác, nương theo nguyện lực của Phật sanh về cõi kia đều ở vào địa vị Bất Thoái nên gọi là Chánh Định Tu”*.

Ngài Cảnh Hưng lại bảo: *“Hễ sanh về Tịnh Độ thì chẳng luận là phạm hay thánh đều quyết định hướng đến Niết Bàn, quyết định hướng đến thiện hạnh, quyết định sanh trong đường lành, quyết định hành lục độ, quyết định được giải thoát, nên chỉ có Chánh Định Tu, không còn có hai thứ kia”*. Sách Hội Sớ cũng nghĩ như vậy.

Sách Bình Giải dựa theo ý tổ Thiện Đạo giải thích như sau: *“Như Thích Ma Ha Diễn Luận giảng Chánh Định Tu là từ Tam Hiền, Thập Địa cho đến Phật quả; Chánh Định Tu của Tịnh tông cũng giống như vậy. Dẫu thị hiện có các địa vị Tam Hiền, Thập Thánh v.v... nhưng cuối cùng đều đạt đến Diệt Độ, chẳng qua là chỉ có một cõi Niết Bàn nhưng thị hiện sai biệt. Xét theo một pháp cú thì xét ngay nơi bản tướng, Thập Địa, Tam Hiền chính là chân thật trí huệ vô vi Pháp Thân”*.

Thuyết của sách Bình Giải đã hiển thị sâu xa ý kinh này vì chủ lẫn bạn trong Tịnh Độ đều là Đại Thừa nên đều trụ trong Chánh Định Tu.

Dẫu thị hiện Thập Thánh, Tam Hiền v.v... nhưng về bản thể đều quyết định nhập Niết Bàn, ngay nơi tướng này chính là Pháp Thân.

Do đó, tiếp ngay theo câu “*giai tất trụ ư Chánh Định chi tụ*” (đều trụ trong Chánh Định Tụ), kinh nói ngay: “*Quyết định chứng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*”. Người vãng sanh đều thuộc trong Chánh Định Tụ, quyết định thành Phật, hiển thị sự bất khả tư nghị của Di Đà đại nguyện đến mức độ cùng cực.

Phẩm này hội tập cả ba bản dịch Ngụy, Đường, Tống. Câu kinh: “*Nhược dĩ sanh, nhược đương sanh*” (hoặc đã sanh, hoặc sẽ sanh - Chữ “*nhược đương sanh*” lấy từ hai bản dịch đời Đường và Tống) *giai tất trụ ư Chánh Định chi tụ*” (đều trụ trong Chánh Định Tụ) hiển thị sâu sắc sự sâu rộng của Di Đà đại nguyện: Chẳng những người đã vãng sanh Cực Lạc trụ trong Chánh Định Tụ, quyết chứng Vô Thượng Đạo mà hết thảy những người cầu vãng sanh Cực Lạc trong hiện tại hoặc trong tương lai chỉ cần phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm thì sẽ tương ứng với bốn nguyện của Phật Di Đà, dẫu ở trong uế độ vẫn còn là phàm phu đầy dẫy, nhưng hễ vãng sanh thì ắt trụ trong Chánh Định Tụ, quyết chứng Bồ Đề. Đây thật là điều siêu tình ly kiến chẳng thể nghĩ bàn, dứt bất đối đãi một cách viên dung, phương tiện rất ráo.

Bản Đường dịch lại chép: “*Nhược đương sanh giả, giai tất cứu cánh vô thượng Bồ Đề, đáo Niết Bàn xứ. Hà dĩ có? Nhược Tà Định Tụ cập Bất Định Tụ, bất năng liễu tri kiến lập bỉ nhân cố*” (Nếu là kẻ sẽ sanh [về cõi Cực Lạc] sẽ đều rất ráo Vô Thượng Bồ Đề, đến chốn Niết Bàn, vì có sao? Nếu là Tà Định Tụ và Bất Định Tụ thì chẳng thể biết rõ, kiến lập nổi cái nhân ấy), ý nói: Người sẽ sanh về Cực Lạc đều phải kiến lập chánh nhân vãng sanh. Nương theo chánh nhân ấy ắt sẽ đạt cái quả vãng sanh, tất nhiên đạt tới địa vị Bồ Xứ thành Phật, nên kinh bảo: “*Quyết định chứng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*”. Kẻ Tà Định Tụ và Bất Định Tụ chẳng thể thật sự vì sanh tử phát tâm Bồ Đề, dùng tín nguyện sâu xa trì danh hiệu Phật, nên “*bất năng liễu tri kiến lập bỉ nhân cố*” (chẳng thể biết rõ, kiến lập nổi cái nhân ấy).

Hơn nữa, Thiện Đạo đại sư đời Đường là bậc thâm nhập Kinh tạng đã chỉ rõ đại nguyện “*nhập Chánh Định Tụ*” của Phật Di Đà tạo lợi ích cho cả nhân dân cõi Cực Lạc lẫn chúng sanh trong cõi Sa Bà này. Sách Bình Giải viết: “*Chánh Định Tụ trong cõi này (Sa Bà) là mật ích (lợi ích ngầm), Chánh Định Tụ trong cõi kia là hiển ích (lợi ích hiển*